

Bản án số: 197/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2026
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Thuý Ngọc**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 49/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 229/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bùi Kim T**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082182021458.

Địa chỉ: **ấp N, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp**.

- Bị đơn: **Lê Thanh T1**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Căn cước công dân số: 082082021917.

Địa chỉ: **ấp T, xã P, tỉnh Đồng Tháp**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị **Bùi Kim T** trình bày:* Chị và anh **T1** tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2006, tại **Ủy ban nhân dân xã B** (Nay là **xã P**). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, anh **T1** thường hay chửi chị và con, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Đến cách nay khoảng 05 năm thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu với anh **T1**.

Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Tại Biên bản lấy lời khai bị đơn anh **Lê Thanh T1** trình bày: Anh thống nhất với chị **T** về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2025 thì chị **T** bỏ đi do mâu thuẫn giữa gia đình hai bên. Từ khi chị **T** bỏ đi đến nay, anh không liên lạc được với chị **T**. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Và về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **T** và anh **T1**. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị **T** và anh **T1** trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã **B** (Nay là xã **P**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 14/02/2006 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Ngày 05/3/2026, anh **T1** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 26/3/2026, chị **T** có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt anh **T1** và chị **T**.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **T1** do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, anh **T1** thường hay chửi chị và con, không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Vợ chồng không trao đổi hàn gấm tình cảm. Hiện nay, chị **T** không còn tình cảm vợ chồng với anh **T1**. Tại Biên bản lấy lời khai (BL 23), anh **T1** trình bày, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vào cuối năm 2025 do mâu thuẫn giữa hai bên gia đình và chị **T** bỏ đi. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thuận tình ly hôn của các đương sự, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về con chung: Chị **T** và anh **T1** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **T** và anh **T1** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **T** phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận chị **Bùi Kim T** và anh **Lê Thanh T1** thuận tình ly hôn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị **T** phải chịu 75.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001162 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. **H** lại chị **T** số tiền tạm ứng án phí là 225.000 đồng.

+ Anh **T1** phải chịu 75.000 đồng án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, các đương sự được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- VKSND KV2 - ĐT;
- UBND xã Phú Thành;
- Các đương sự;
- Lưu AV, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An

